

THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

Trần Thị Mỹ Phước,

Saigon University

0918897700

ttmphuoc@sgu.edu.vn

Mục tiêu của chương

- ◆ Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm cơ bản của thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.
- ◆ Xác định được các hàng hóa và dịch vụ nằm trong danh mục thuộc diện chịu thuế xuất nhập khẩu.
- ◆ Xác định được phương pháp tính thuế, giá tính thuế, thuế suất.

Nội dung của chương

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Vai trò
- 2.3. Đối tượng chịu thuế
- 2.4. Đối tượng không chịu thuế
- 2.5. Đối tượng nộp thuế
- 2.6. Phương pháp tính thuế
- 2.7. Hoàn thuế
- 2.8. Miễn thuế
- 2.9. Kê khai và nộp thuế

XÉT HÀNH VI TIÊU DÙNG

Toyota Việt Nam

Giá bán: **38.000 USD** >>

Toyota Nhật Bản

Giá bán: **25.000 USD**

- Hãy đưa ra hành vi tiêu dùng của bạn với tinh thần “**người Việt Nam dùng hàng Việt Nam**”?
- Nếu để cho xe ô tô Toyota Nhật Bản được tự do nhập khẩu vào Việt Nam mà không có sự ngăn trở của “**hàng rào thuế quan**” thì điều gì sẽ diễn ra?

Tác động của hàng rào thuế quan

Toyota Việt Nam

Giá bán: 38.000 USD

Toyota Nhật Bản

Giá bán: 25.000 USD

Thuế NK = $25.000\text{USD} \times 80\% = 20.000\text{ USD}$

Giá bán : $45.000\text{ USD} > 38.000\text{ USD}$

Thuế TTĐB = $(25.000 + 20.000) \times 50\% = 22.500\text{ USD}$

Giá bán: $67.500\text{ USD} >> 38.000\text{ USD}$

Thuế GTGT = $(25.000 + 20.000 + 22.500) \times 10\% = 6.750\text{ USD}$

Giá bán: $74.250\text{ USD} >> 38.000\text{ USD}$

Quy ra tiền Việt Nam: $= 74.250 \times 21.000$
 $= 1.559.250.000\text{ VND}$

2.1. Khái niệm:

- ◆ Là loại thuế gián thu, thu vào hàng hoá dịch vụ được phép XK, NK qua cửa khẩu biên giới các quốc gia, nhóm quốc gia, hình thành và gắn liền với hoạt động thương mại quốc tế.
- ◆ Ví dụ: thuế nhập khẩu với các loại mì gói Hàn Quốc là 10%.

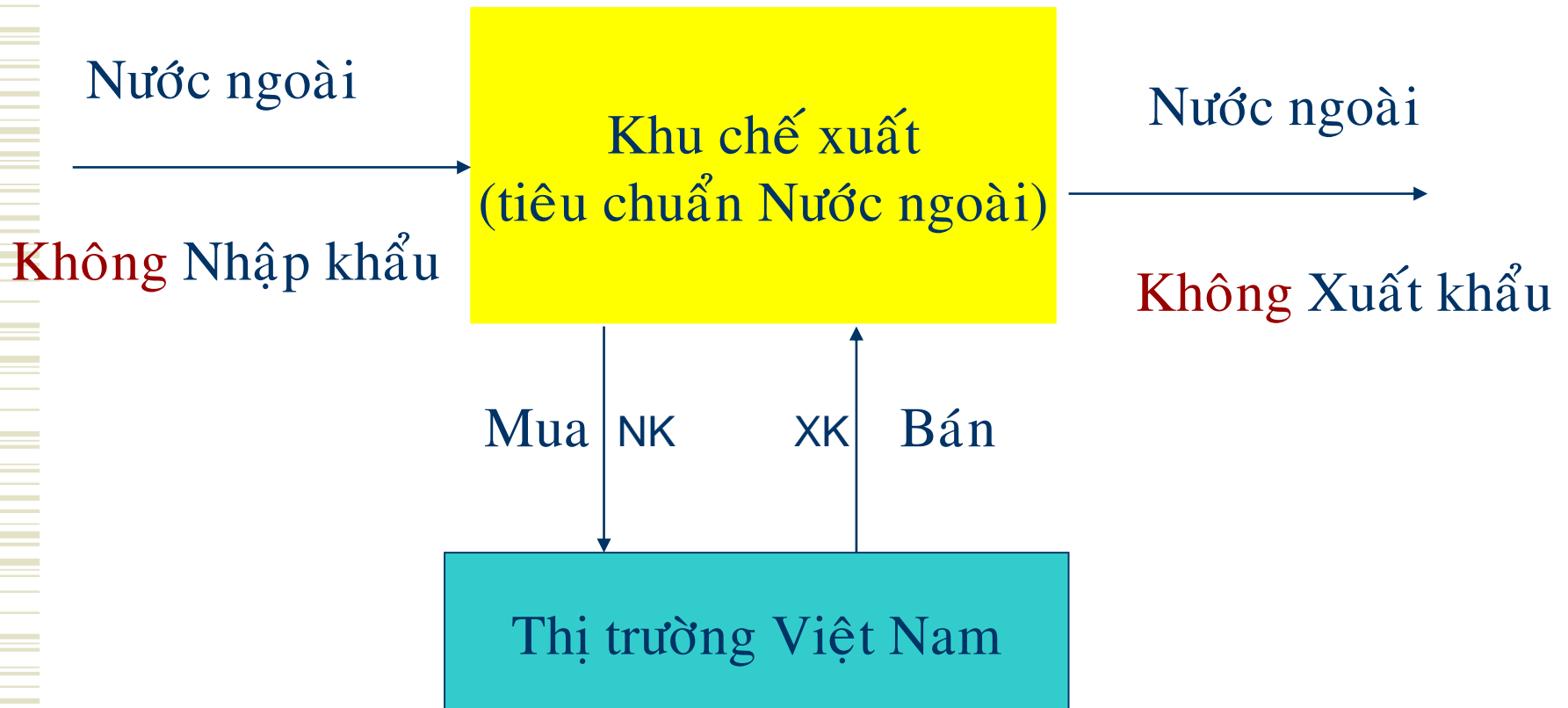
2.2. Vai trò:

- ♦ Là một công cụ huy động cho nguồn thu NSNN
- ♦ Là một công cụ của chính sách thương mại
- ♦ Tái phân phối thu nhập
- ♦ Thu hút đầu tư nước ngoài

2.3. Đối tượng chịu thuế:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam(đường bộ, đường sông, cảng biển, cảng hàng không, đường sắt, bưu điện quốc tế...)
- Hàng hóa được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan hoặc từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước
- Hàng hóa mua bán, trao đổi khác được coi là hàng hóa xuất nhập khẩu.

Khu phi thuế quan



2.4. Đối tượng không chịu thuế:

- Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc chuyển khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam.
- Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan.
- Hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài.
- Hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác.
- Hàng hóa là phần dầu khí thuộc thuế tài nguyên của Nhà nước khi xuất khẩu.
- Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại

2.5. Đối tượng nộp thuế:

- Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
- Tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu
- Cá nhân có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi xuất cảnh, nhập cảnh.
- Đối tượng được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thay, bao gồm: đại lý làm thủ tục hải quan; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh; tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác.

2.6. Cách tính thuế nhập khẩu

Hai phương pháp tính thuế:

- ♦ Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)
- ♦ Tính theo mức thuế tuyệt đối (\$)

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

Thuế xuất khẩu = Số lượng đơn vị tính thuế (FOB, DAF) x Đơn giá tính thuế x Thuế suất x Tỷ giá ghi trên tờ khai HQ

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

GIÁ TÍNH THUẾ XUẤT KHẨU

Giá bán thực tế tại cửa khẩu xuất (FOB, DAF)

Ví dụ:

CTCP Tân Phú xuất khẩu lô hàng thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, giá bán tại cửa khẩu xuất (giá FOB) là 10.000USD.

CTCP Tân Phú xuất khẩu lô hàng thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, giá bán tại cửa khẩu nhập (giá CIF) là 10.400USD, tổng chi phí vận tải quốc tế (F) và bảo hiểm quốc tế (I) của lô hàng này là 400USD.

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

Thuế nhập khẩu = $\frac{\text{Số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế nhập khẩu ghi trên tờ khai HQ}}{\text{Đơn giá tính thuế (CIF, CFR)}} \times \text{Thuế suất} \times \text{Tỷ giá}$

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

GIÁ TÍNH THUẾ NHẬP KHẨU

Giá mua nhà nhập khẩu thực tế đã trả hoặc phải trả tính đến cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên. Áp dụng tuần tự 6 phương pháp tính thuế và dừng ngay ở phương pháp xác định được giá tính thuế.

1. Phương pháp giá trị giao dịch của hàng hóa nhập khẩu.
2. Phương pháp giá trị giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt.
3. Phương pháp giá trị giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự
4. Phương pháp trị giá khấu trừ.
5. Phương pháp trị giá tính toán.
6. Phương pháp suy luận.

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

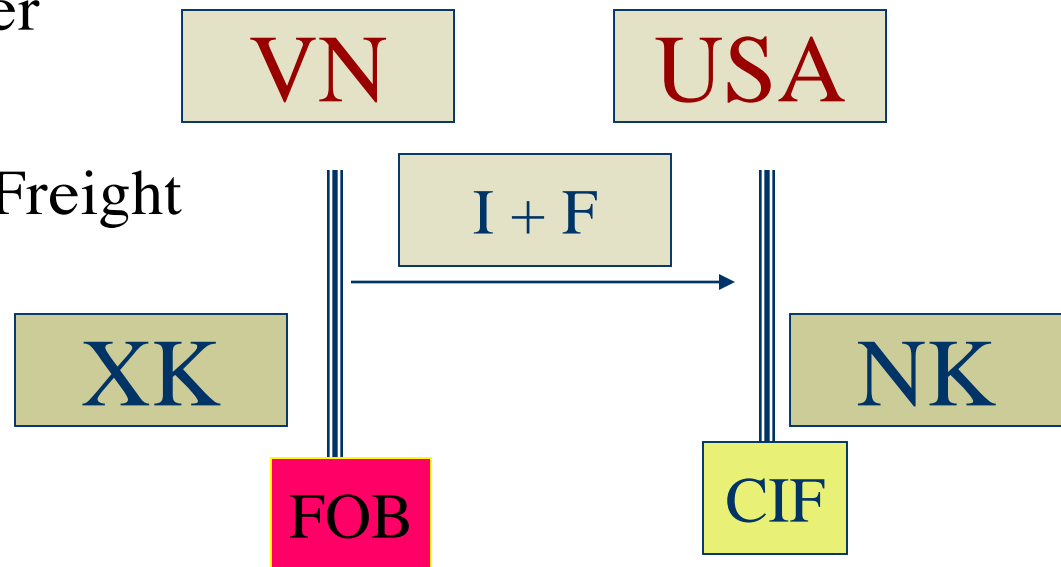
FOB: Free on Board

DAF: Delivered at Frontier

CIF: Cost, Insurance and Freight

CFR: Cost, Freight

$$\text{CIF} = \text{FOB} + \text{I} + \text{F}$$



2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

Ví dụ 1:

Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của một Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu có các tài liệu như sau:

- Trực tiếp xuất khẩu lô hàng hóa A gồm 5.000 sản phẩm (sp), theo hợp đồng giá FOB là 3 USD/sp, tỷ giá tính thuế là 20.150 đồng/USD.
- Nhận nhập khẩu ủy thác lô hàng hoá B với tổng trị giá mua theo giá CIF 30.000 USD, tỷ giá tính thuế là 22.000 đồng/USD.

Biết rằng:

Thuế suất thuế xuất khẩu hàng A là 2%, thuế nhập khẩu hàng B là 10%.

Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo phương pháp thứ 1.

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

Ví dụ 2:

Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của một Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu có các tài liệu như sau:

- Nhập khẩu 2.000 sản phẩm C, giá hợp đồng theo giá FOB là 8 USD/sản phẩm, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế (I + F) là 0,5 USD/sp, tỷ giá tính thuế là 22.000 đồng/USD.
- Trực tiếp xuất khẩu 8.000 sản phẩm D theo điều kiện CIF là 5 USD/sản phẩm, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế (I + F) là 5.000 đồng/sản phẩm, tỷ giá tính thuế là 20.300 đồng/USD.

Biết rằng:

Thuế suất thuế nhập khẩu hàng C là 20%, thuế xuất khẩu hàng D là 1%.

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

Lưu ý:

- Giá tính thuế xuất nhập khẩu được qui ra đồng Việt Nam căn cứ tỷ giá hối đoái do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế.
- Thời điểm tính thuế là ngày người khai hải quan đăng ký tờ khai hải quan.
- Đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam, trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ phải nộp bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

Thuế suất

- * Thuế suất thuế xuất khẩu:

Được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại biểu thuế thuế xuất khẩu.

- * Thuế suất thuế nhập khẩu:

bao gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt và thuế suất thông thường

2.6.1. Tính theo thuế suất tỉ lệ (%)

- *Thuế suất ưu đãi*: áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước có ký hiệp định **ưu đãi** về thuế với Việt Nam.
- *Thuế suất thông thường*: áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước **không có thỏa thuận ưu đãi** về thuế với Việt Nam

Thuế suất thông thường = **150%** * Thuế suất ưu đãi

- *Thuế suất ưu đãi đặc biệt*: áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước có thỏa thuận **ưu đãi đặc biệt** về thuế với Việt Nam.

2.6.2. Tính theo mức thuế tuyệt đối (\$)

$$\begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{Nhập} \\ \text{khẩu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng đơn vị} \\ \text{từng mặt hàng} \\ \text{thực tế XNK} \\ \text{ghi trên tờ khai HQ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức thuế} \\ \text{tuyệt đối quy} \\ \text{định trên một} \\ \text{đơn vị hàng hóa} \end{array}$$

2.7. HOÀN THUẾ

- Hàng hoá xuất khẩu đã nộp thuế xuất khẩu nhưng thực tế không xuất khẩu.
- Hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng thực tế không nhập khẩu.
- Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng sau đó được phép tái xuất khẩu.

2.7. HOÀN THUẾ

- Hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu, sau đó xuất khẩu trong các trường hợp:
 - + Hàng nhập khẩu để giao, bán cho nước ngoài thông qua đại lý tại Việt Nam
 - + Hàng nhập khẩu để bán cho các phương tiện của nước ngoài trên tuyến đường quốc tế có qua cảng Việt nam và các phương tiện Việt nam trên các tuyến quốc tế.

2.7. HOÀN THUẾ

- Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu nếu đã nộp thuế nhập khẩu thì được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ thành phẩm thực xuất khẩu.

Ví dụ: DN A nhập khẩu 1.000 kg Vật liệu A để sản xuất hàng xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã nộp của 1.000 kg vật liệu A là 100 trđ.

- Doanh nghiệp xuất kho 800 kg Vật liệu A để sản xuất 5.000 SP B.
- Trong 5.000 SP B sản xuất đã xuất khẩu được 4.000 SP.

Hỏi thuế nhập khẩu được hoàn là bao nhiêu?

2.8. MIỄN THUẾ

- Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để dự hội chợ triển lãm, phục vụ hội nghị, nghiên cứu khoa học, thi đấu (tối đa 90 ngày)
- Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân vào Việt Nam hay đưa ra nước ngoài trong định mức được miễn thuế.
- Hàng hóa xuất nhập khẩu của tổ chức, cá nhân được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao.

2.8. MIỄN THUẾ

- Hàng hóa nhập khẩu để **gia công** cho nước ngoài rồi xuất khẩu theo hợp đồng đã ký kết:
 - + Nguyên vật liệu, vật tư, hàng mẫu.
 - + Máy móc thiết bị trực tiếp phục vụ gia công được thỏa thuận trong hợp đồng.
 - + Sản phẩm nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm xuất khẩu.
 - + Sản phẩm gia công xuất trả cho nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

2.8. MIỄN THUẾ

- Hàng hóa nhập khẩu trong **tiêu chuẩn hành lý** miễn thuế của người nhập cảnh như:

- | | |
|---|----------|
| + Rượu từ 22 độ trở lên | 1,5 L |
| + Rượu dưới 22 độ | 2,0 L |
| + Đồ uống có cồn, bia | 3,0 L |
| + Thuốc lá điếu | 400 điếu |
| + Xì gà | 100 điếu |
| + Thuốc lá sợi | 50 gram |
| + Chè | 5 kg |
| + Cà phê | 3 kg |
| + Đồ dùng cá nhân phù hợp với chuyến đi | |
| + Các vật phẩm khác: không vượt quá 5 trđ | |

2.8. MIỄN THUẾ

- Hàng hóa nhập khẩu để tạo TSCĐ của dự án khuyến khích đầu tư theo Luật đầu tư
- Hàng hóa nhập khẩu (TSCĐ, nguyên vật liệu) của doanh nghiệp BOT và nhà thầu phụ để thực hiện dự án BOT, BTO, BT.
- Giống cây trồng, vật nuôi nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp
- Hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.
- Hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân người Việt Nam và ngược lại theo định mức.

2.8. MIỄN THUẾ

- Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí.
- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ đóng tàu.
- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất phần mềm.
- Miễn thuế đối với nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được.

2.9. KÊ KHAI, NỘP THUẾ

a. Kê khai:


Tổ chức, cá nhân mỗi lần có hàng hóa được phép xuất, nhập khẩu phải kê khai, nộp tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan.

b. Nộp thuế:

* Thời hạn nộp thuế xuất khẩu: là **30 ngày** kể từ ngày đăng ký Tờ khai hải quan.

1. Nhập khẩu 2.000 kg nguyên liệu A theo giá CIF là 12.000 đồng/kg, phí vận chuyển (F) và bảo hiểm (I) là 2.000đ/kg, thuế suất thuế nhập khẩu 20%. Thuế nhập khẩu phải nộp là:

- a. 4 triệu đồng
- b. 4,8 triệu đồng
- c. 5,6 triệu đồng
- d. Cả a, b, c đều sai




2. Công ty kinh doanh xuất nhập khẩu B, nhập khẩu một sản phẩm tiêu dùng, chịu thuế nhập khẩu với thuế suất 20%. Trị giá tính thuế nhập khẩu là 455.000 đ/sp, trong đó có chi phí môi giới là 5.000 đ/sp. Thuế nhập khẩu tính trên một sản phẩm là:

- a. $455.000 \text{ đ/sp} \times 20\%$.
- b. $(455.000 \text{ đ/sp} - 5.000 \text{ đ/sp}) \times 20\%$.
- c. a, b đều đúng, tùy vào xuất xứ hàng nhập khẩu.
- d. a, b đều sai.

3. Nhập khẩu 5.000 sản phẩm X theo giá FOB là 55.000 đồng/sản phẩm, phí vận chuyển (F) và bảo hiểm (I) là 5.000 đồng/sp, thuế suất thuế nhập khẩu 20%. Thuế nhập khẩu phải nộp là:

- a. 50 triệu đồng
- b. 55 triệu đồng
- c. 60 triệu đồng
- d. Cả a, b, c đều sai



4. Mặt hàng ô tô đã qua sử dụng khi nhập khẩu sẽ áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu theo:

- a. Thuế suất tuyệt đối.
 - b. Thuế suất tỷ lệ %.
 - c. Thuế suất tỷ lệ % theo biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
 - d. Thuế suất tỷ lệ % hoặc thuế suất tuyệt đối tùy theo tình trạng xe ô tô.
- 